

nay chị H và anh D thường xuyên bất hòa. Nội dung sự việc đã được bố mẹ 02 bên khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Từ năm 2017 chị H và anh D đã sống ly thân và không còn quan T đến nhau nữa. Chị H xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh D được nên khởi kiện yêu cầu ly hôn anh D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 04 con chung: Cháu Đặng Thị Miến – Sinh năm 1996; Cháu Đặng Thị Dân – Sinh năm 1998; Cháu Đặng Thị Sù – Sinh ngày 29 tháng 03 năm 2002; Cháu Đặng Thị T – Sinh ngày 03 tháng 6 năm 2005. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Miến, Dân, Sù đã trưởng thành chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với anh Đặng Văn D có nội dung anh D đồng ý vớ con về thời điểm chung sống, về con chung và không yêu cầu chia tài sản. Về mâu thuẫn do anh và chị H không đồng nhất về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Nay chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh nhất trí ly hôn. Hiện nay anh D bị mất sức lao động nên không có thu nhập.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147, 228, 238 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Hiền:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn D.

- Về con chung: giao cháu Đặng Thị T (sinh ngày 03/6/2005) cho chị

Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đặng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Đặng Văn D và giải quyết nuôi con chung; anh D cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: các đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt . Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn D sống chung như vợ chồng, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà không đến UBND cấp xã tại nơi cư trú (PK) đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình quy định “Việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này (Luật HNGĐ) và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu lý hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng”. Vì vậy việc chung sống như vợ chồng giữa chị H và anh D không được pháp luật công nhận. Vì vậy cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị H và anh D là vợ chồng.

[4] Về con chung:

Theo Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình quy định về Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì con được giải quyết theo quy định của Luật này (Luật HNGĐ) về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con. Vì vậy cần áp dụng theo Luật hôn nhân gia đình để giải quyết về con chung của chị H và anh D.

Trong nội dung bản lấy ý kiến cháu Đặng Thị T, cháu T có nguyện vọng được sống cùng chị H sau khi anh chị ly hôn, hiện nay cháu T đang sống, học tập ổn định cùng chị H. Anh D bị liệt không lao động sản xuất được. Vì vậy cần giao cháu Đặng Thị T – Sinh ngày 03 tháng 6 năm 2005 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao các cháu Đặng Thị T – Sinh ngày 03 tháng 6 năm 2005 cho chị Htrực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

Chị Đặng Thị Hphải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001503 ngày 15/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quý Sáng – Phạm Thị Dung

Vũ Quang Đại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã PK;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại

